

BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM
Số: DKC01/ND version 26.04 Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 25/03/2026

ĐIỀU KIỆN		J-/C-	D-/I-	W-/Z-	U-	Y-/B-/M-	S-/H-/K-/L-	Q-/ N-/R-/T-/E-	P-/A-/G-																														
		Thương gia Linh hoạt	Thương gia tiêu chuẩn	Phổ thông đặc biệt linh hoạt	Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn	Phổ thông linh hoạt	Phổ thông tiêu chuẩn	Phổ thông tiết kiệm	Phổ thông siêu tiết kiệm																														
Thay đổi		- Điều chỉnh cat 16 - Phụ lục 1 : Điều chỉnh thời gian không áp dụng giá BĐK này thay thế BĐK DKC01/ND V26.03																																					
00. Áp dụng	Mức giá	Giá là giá một chiều. Giá khứ hồi bằng 2 lần giá một chiều.																																					
	Hạng đặt chỗ	Giá: -VNF/-VNW/-VNT/-VNG/-VNCR/-VN		- Hạng đặt chỗ là ký tự đầu tiên của loại giá (Fare basis). - Quy định về hạng đặt chỗ áp dụng cho giá trực thông đi Côn đảo (VCS) như sau:																																			
				<table border="1"> <thead> <tr> <th>Hành trình</th> <th>Fare basis</th> <th>Chặng bay(v.v)</th> <th>Hạng thương gia</th> <th>Hạng phổ thông</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="10"> - HPH/THD/VDO/DAD/HAN-SGN/VCA-VCS v.v - HUI/UIH/VCL/VDH- SGN-VCS v.v </td> <td>J-/C-/W</td> <td rowspan="10">SGN-VCS, VCA-VCS</td> <td rowspan="10">N/A</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>D-/Z-</td> <td>Z</td> </tr> <tr> <td>I-/U-</td> <td>U</td> </tr> <tr> <td>B-/M-</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td>S-</td> <td>M</td> </tr> <tr> <td>H-/K-</td> <td>S</td> </tr> <tr> <td>L-/Q-</td> <td>H</td> </tr> <tr> <td>N-/R-</td> <td>K</td> </tr> <tr> <td>T-</td> <td>Q</td> </tr> <tr> <td>E-</td> <td>R</td> </tr> <tr> <td>P-,A-,G-</td> <td></td> <td>T</td> </tr> </tbody> </table>					Hành trình	Fare basis	Chặng bay(v.v)	Hạng thương gia	Hạng phổ thông	- HPH/THD/VDO/DAD/HAN-SGN/VCA-VCS v.v - HUI/UIH/VCL/VDH- SGN-VCS v.v	J-/C-/W	SGN-VCS, VCA-VCS	N/A	W	D-/Z-	Z	I-/U-	U	B-/M-	B	S-	M	H-/K-	S	L-/Q-	H	N-/R-	K	T-	Q	E-	R	P-,A-,G-		T
Hành trình	Fare basis	Chặng bay(v.v)	Hạng thương gia	Hạng phổ thông																																			
- HPH/THD/VDO/DAD/HAN-SGN/VCA-VCS v.v - HUI/UIH/VCL/VDH- SGN-VCS v.v	J-/C-/W	SGN-VCS, VCA-VCS	N/A	W																																			
	D-/Z-			Z																																			
	I-/U-			U																																			
	B-/M-			B																																			
	S-			M																																			
	H-/K-			S																																			
	L-/Q-			H																																			
	N-/R-			K																																			
	T-			Q																																			
	E-			R																																			
P-,A-,G-		T																																					
04. Giới hạn chuyến bay	Giá -VNT/-VNG/-VNF/-VNW/-VNCR/-VN	Áp dụng trên tất cả các chuyến bay VN																																					
05. Đặt chỗ, xuất vé	Giá-VNF/-VNW/-VNCR/-VN: Lưu ý: (a) - VNW-: Thời hạn xuất vé tuân theo quy định của web (b) -VN: Chỉ áp dụng quy định về đặt chỗ, không áp dụng quy định về xuất vé	Đặt chỗ	<ul style="list-style-type: none"> Giá JH-/WH-/BH-/MH-/S-/ H-/K-/L- Chỗ phải được xác nhận cho cả hành trình trước khi xuất vé. 					Chỗ phải được xác nhận cho cả hành trình trước khi xuất vé.																															
		Xuất vé	<ul style="list-style-type: none"> Giá -PX: Xuất vé trong vòng 24h sau khi đặt chỗ (đối với giá H-/K-/L-/Q-), trong vòng 12h sau khi đặt chỗ (đối với giá N-/R-/T-/E-) Giá -AP: -AP/-0A/-API/-1A/-AP2/-2A/-AP3/-3A/-AP4/-4A/-AP5/-5A/-AP6/-6A/-AP7/-7A/-AP8/-8A- Xuất vé phải thực hiện vào thời hạn sớm hơn trong 2 thời hạn sau: (a) Trong vòng 24h sau khi đặt chỗ (đối với giá H-/K-/L-/Q-), trong vòng 12h sau khi đặt chỗ (đối với giá N-/R-/T-/E-); (b) Tối thiểu 1/3/7/10/14/21/30/45/60 ngày trước ngày khởi hành của từng chặng bay. 					<ul style="list-style-type: none"> Giá -PX: Xuất vé trong vòng 06h sau khi đặt chỗ Giá -AP: -AP/-0A/-API/-1A/-AP2/-2A/-AP3/-3A/-AP4/-4A/-AP5/-5A/-AP6/-6A/-AP7/-7A/-AP8/-8A- Xuất vé phải thực hiện vào thời hạn sớm hơn trong 2 thời hạn sau: (a) Trong vòng 06h sau khi đặt chỗ (b) Tối thiểu 1/3/7/10/14/21/30/45/60 ngày trước ngày khởi hành của từng chặng bay. 																															
	Giá-VNT/-VNG-	Áp dụng theo quy định của khách đoàn về đặt chỗ xuất vé																																					

**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**
Số: DKC01/ND version 26.04 Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 25/03/2026

ĐIỀU KIỆN	J-/C-	D-/I-	W-/Z-	U-	Y-/B-/M-	S-/H-/K-/L-	Q-/ N-/R-/T-/E-	P-/A-/G-		
	Thương gia Linh hoạt	Thương gia tiêu chuẩn	Phổ thông đặc biệt linh hoạt	Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn	Phổ thông linh hoạt	Phổ thông tiêu chuẩn	Phổ thông tiết kiệm	Phổ thông siêu tiết kiệm		
06/07. Thời hạn dừng tối thiểu/tối đa	NA/12 tháng									
08. Điểm dừng	Được phép, không thu phí									
10. Xây dựng & kết hợp giá • Kết hợp trên cơ sở ½ giá khứ hồi để tạo thành hành trình RT/CT. • Kết hợp giá độc lập/hành trình phụ	Giá -VNF-	Được phép với các giá -VNF-								
	Giá -VNCR-	Được phép với các giá -VNCR-								
	Giá -VNW-	Được phép giữa các giá Web của VN								
	Giá -VNT-	Được phép giữa các giá -VNT-								
	Giá -VNG-	Được phép giữa các giá -VNG-								
	Giá -VN	Được phép kết hợp với mọi loại giá.								
11. Thời gian không áp dụng	Phụ lục 1									
15. Hạn chế bán	Giá -VNF-/-VNT-/-VNG-/-VNCR-	Áp dụng bán tại Việt Nam. Mã vé 738. Loại tiền VNĐ								
	Giá -VNW-	Áp dụng bán trên websites của VN. Mã vé 738. Loại tiền VNĐ								
	Giá -VN	Áp dụng bán toàn thế giới ngoại trừ Việt Nam. Loại tiền USD						Không áp dụng		
		Chặng bay: HAN-SGN, HAN/SGN-DAD/DLI/HUI/NH A/PQC/VII	J-: Mã vé: Không hạn chế C-: Mã vé: 738	Mã vé 738	Mã vé: Không hạn chế	Mã vé 738	Y-/B-: Mã vé: Không hạn chế M-: Mã vé: 738	Mã vé: 738		
Các chặng bay khác	J-: Mã vé: Không hạn chế C-: Mã vé: 738	Mã vé 738	Mã vé: Không hạn chế	Mã vé: 738	Mã vé: Không hạn chế	S-: Mã vé: Không hạn chế H-/K-/L-: Mã vé: 738	Mã vé 738			
16. Phạt/thay đổi	Giá -VNF-/-VNT-/-VNG-/-VNW-/-VNCR-	Thay đổi	- Giá JH-: Áp dụng, phí 360.000 VNĐ - Giá khác: Miễn phí	Áp dụng, phí 360.000 VNĐ	- Giá WH-: Áp dụng, phí 360.000 VNĐ - Giá khác: Miễn phí	Miễn phí	- Giá BH-,MH-; BG-VNT-; BG-VNG-, MG-VNT-, MG-VNG-: Áp dụng, phí 360.000 VNĐ - Giá khác: Miễn phí	Áp dụng, phí 360.000 VNĐ	Áp dụng, phí 650.000 VNĐ	Không áp dụng
		Hoàn	Áp dụng, phí 500.000 VNĐ	Áp dụng, phí 650.000 VNĐ	Áp dụng, phí 500.000 VNĐ	Áp dụng, phí 650.000 VNĐ	Áp dụng, phí 500.000 VNĐ	Áp dụng, phí 500.000 VNĐ	Áp dụng, phí 650.000 VNĐ	Không áp dụng
		Noshow	Giá JVN-, WVN-, ZVN-, UVN-, BVN-, MVN-: Miễn phí Các giá khác: Phí 650.000 VNĐ							Không áp dụng
	Giá -VN	Hoàn	Áp dụng, phí 30USD						Được phép, phí 30USD	

BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM

Số: DKC01/ND version **26.04** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 25/03/2026

ĐIỀU KIỆN	J-/C-	D-/I-	W-/Z-	U-	Y-/B-/M-	S-/H-/K-/L-	Q-/ N-/R-/T-/E-	P-/A-/G-
	Thương gia Linh hoạt	Thương gia tiêu chuẩn	Phổ thông đặc biệt linh hoạt	Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn	Phổ thông linh hoạt	Phổ thông tiêu chuẩn	Phổ thông tiết kiệm	Phổ thông siêu tiết kiệm
Thay đổi	Áp dụng , miễn phí	Áp dụng , phí 30USD	Áp dụng , miễn phí	Áp dụng , phí 30USD	Áp dụng , miễn phí	Áp dụng, miễn phí	Áp dụng, phí 30USD	
<p>Giá VNF-/VNT-/VNG-/VNW-/VNCR-:</p> <p>(a) Nâng hạng dịch vụ: Đối với khách tour/ đoàn, khi nâng hạng dịch vụ không cần đảm bảo số lượng khách tối thiểu. Áp dụng giá FIT hạng thương gia/phổ thông đặc biệt cho khách nâng hạng dịch vụ</p> <p>(b) Hoàn vé của khách đoàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi hoàn vé, phải đảm bảo số khách tối thiểu của đoàn theo quy định của điều kiện giá. - Không được hoàn vé đã sử dụng 1 phần 								
<p>18. Ghi vé VN đảm bảo chấp nhận các vé xuất tự động theo giá tính được tự động trên hệ thống tại thời điểm xuất vé.</p>	Giá –VNF-/VNT-/VNG-/VNW-	"RESTRICT MAY APPLY"						
	Giá –VNCR-	"NON-END.REST MAY APPLY/CA REDEMPTION"						
	Giá -VN	"NON-END.RESTRICTION MAY APPLY"						
<p>19. Giảm giá cho trẻ em/ trẻ nhỏ</p>	Trẻ em từ 2- <12 tuổi đi cùng người lớn	Tính bằng 90% giá áp dụng cho người lớn						
	Trẻ nhỏ <2 tuổi không sử dụng chỗ đi cùng người lớn	Tính bằng 10% giá áp dụng cho người lớn						
	Trẻ nhỏ <2 tuổi sử dụng chỗ đi cùng người lớn	Tính bằng 90% giá áp dụng cho người lớn						
<p>22. Giảm giá khác: Chỉ áp dụng với giá –VNF tại các phòng vé của VNA - Các mức phí hoàn/đổi không được giảm theo tỷ lệ tương ứng</p>	Phụ lục 2							
<p>23. Quy định khác</p>	Thuế/Phí/Lệ phí (TFC)	Giá chưa bao gồm các loại thuế/phí/lệ phí (TFC). Nơi xuất vé có trách nhiệm thu tất cả các loại thuế/phí/ lệ phí (TFC) tương ứng với giá và nộp vé cho VN						
	Hành lý miễn cước	Áp dụng mức hành lý tính được tự động trên hệ thống.						
<p>26. Điều kiện áp dụng cho khách đoàn (giá-VNT-/VNG-)</p>	Số lượng khách tối thiểu của mỗi đoàn	2/4/6/8/10; 2/4/6/8/10 khách. Trẻ nhỏ không được tính là số lượng khách tối thiểu của đoàn.						
	Điều kiện bắt buộc đi cùng nhau	Hành khách của đoàn phải đi cùng nhau trên cả hành trình						

BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM

Số: DKC01/ND version **26.04** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 25/03/2026

PHỤ LỤC 1: THỜI GIAN KHÔNG ÁP DỤNG

- Giá C-/D-/I-/Z-/U-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R-/T-/E-: Không áp dụng,
- Các loại giá khác:

LOẠI GIÁ	J-/W-/B-/M-	G-/A-/P-		
Giá : -VNF-/ -VNW-/ -VNT-/ -VNG-/ -VNCR-	Hành trình và giai đoạn KHÔNG áp dụng (theo đúng chiều ngoại trừ JH-/WH-/BH-/MH)		Hành trình và giai đoạn KHÔNG áp dụng (theo đúng chiều)	
	SGN- HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL/DIN; HAN-VII; PXU/VCA-HAN; VCA-BMV; VCA-HPH/THD/VII; DLI-HPH	28/01/2027- 09/02/2027	SGN – HAN/HPH/VII/VDH/THD/VCL/BMV/PXU/DIN; HAN-VII;	20/01/2027- 11/02/2027
	HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL/DIN - SGN; VII-HAN; HAN-PXU/VCA; BMV-VCA; HPH/THD/VII-VCA;HPH-DLI	08/02/2027- 21/02/2027	HAN/HPH/VII/VDH/THD/VCL/BMV/PXU/DIN - SGN; VII-HAN;	06/02/2027- 22/02/2027
			SGN-UIH/DLI/DAD/HUI/NHA;	31/12/2025- 02/01/2026 30/01/2026- 22/02/2026 24/04/2026- 26/04/2026 29/04/2026- 01/05/2026 28/08/2026- 30/08/2026 30/12/2026- 01/01/2027 20/01/2027-11/02/2027 15/04/2027- 17/04/2027 29/04/2027-01/05/2027
				DLI/DAD/HUI/UIH/NHA-SGN
	HAN-NHA/DAD; HAN/SGN/HPH-PQC	06/02/2027- 10/02/2027		
	NHA/DAD-HAN; PQC-HAN/SGN/HPH	09/02/2027- 21/02/2027		
	Hành trình và giai đoạn ÁP DỤNG đối với giá JH-/WH-/BH-/MH- (áp dụng theo đúng chiều)			
	SGN- HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL/DIN; HAN-VII; PXU/VCA-HAN; VCA-BMV; VCA-HPH/THD/VII; DLI-HPH	28/01/2027- 09/02/2027	HAN-NHA/DAD/ DLI/HUI/UIH; HAN/SGN-PQC;	31/12/2025- 02/01/2026 17/02/2026- 01/03/2026 24/04/2026- 26/04/2026 29/04/2026- 01/05/2026 28/08/2026- 30/08/2026 30/12/2026- 01/01/2027 20/01/2027-11/02/2027 15/04/2027- 17/04/2027 29/04/2027-01/05/2027
	HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL/DIN - SGN; VII-HAN; HAN-PXU/VCA; BMV-VCA; HPH/THD/VII-VCA;HPH-DLI	08/02/2027- 21/02/2027	NHA/DAD/ DLI/HUI/UIH -HAN; PQC-HAN/SGN;	03/01/2026- 05/01/2026 19/02/2026- 25/02/2026 26/04/2026- 28/04/2026 02/05/2026- 04/05/2026

BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM****Số: DKC01/ND version 26.04** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 25/03/2026

Trang 5/6

	HAN-NHA/DAD; HAN/SGN/HPH-PQC	06/02/2027- 10/02/2027		31/08/2026- 02/09/2026 02/01/2027- 04/01/2027 06/02/2027- 22/02/2027 18/04/2027- 19/04/2027 02/05/2027- 04/05/2027
	NHA/DAD-HAN; PQC-HAN/SGN/HPH	09/02/2027- 21/02/2027		

PHỤ LỤC 2: GIẢM GIÁ KHÁC

Chỉ áp dụng với giá -VNF tại các phòng vé của VNA. Không áp dụng đồng thời 2 chương trình giảm giá cho cùng đối tượng.

Đối tượng áp dụng		Giá áp dụng	Fare basis Ghi <loại giá>/<mã giảm giá>% giảm giá>	Giấy tờ kèm theo nộp cùng báo cáo bán	Câu lệnh tra giá	Câu lệnh tính giá
Hành khách Việt Nam 60 tuổi trở lên		85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R- /T-	-/SR15	Bản sao giấy tờ tùy thân	FQDHANSGN/R,-SRC,U	FXP/RSRC,U
Hành khách Việt Nam là người khuyết tật nặng/ đặc biệt nặng	Người lớn	85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/	-/DI15	Giấy xác nhận khuyết tật được chủ tịch UBND xã/ phường/quận/ huyện/thành phố.. cấp theo quy định tại thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLDTBXH-BYT-BGĐT ngày 28/12/2012 quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.	FQDHANSGN/R,U*DIS	FXP/R,U*DIS
	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách Việt Nam là người khuyết tật nặng/đặc biệt nặng	-/DICH10		FQDHANSGN/R,-CNN,U*DIS	FXP/R,U*DIS
	Trẻ nhỏ		-/DIIN90		FQDHANSGN/R,-INF,U*DIS	FXP/R,U*DIS
Hành khách có hộ khẩu thường trú tại Đặc khu Côn Đảo, TP Hồ Chí Minh	Người lớn	56% giá B-/M-/S-/H-/K-/ SGN-VCS v.v	-/AR44	- Người lớn: Bản sao căn cước công dân (có gắn chip) kèm đối chiếu VNEID; - Trẻ em: bản sao thông tin cư trú trên ứng dụng VNEID + giấy khai sinh.	FQDSGNVCS/R,U*VCS	FXP/R,U*VCS
	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách có hộ khẩu thường trú tại Đặc khu Côn Đảo, TP Hồ Chí Minh.	-/ARCH10		FQDSGNVCS/R,-CNN,U*VCS	FXP/R,U*VCS
	Trẻ nhỏ		-/ARIN90		FQDSGNVCS/R,-INF,U*VCS	FXP/R,U*VCS
Quân nhân, Công chức, Viên chức nhà nước đang công tác tại Đặc khu Côn Đảo, TP Hồ Chí Minh (là đơn vị hành chính nhà nước không có thu tại Đặc Khu Côn Đảo).	Người lớn	56% giá B-/M-/S-/H-/K- SGN-VCS v.v	-/AR44	Bản sao quyết định cử công tác và điều động của cơ quan nhà nước chủ quản quyết định trên 6 tháng công tác trở lên và bản sao căn cước công dân.	FQDSGNVCS/R,U*VCS	FXP/R,U*VCS
Khách thường trú tại Cà Mau	Người lớn	85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R- SGN-CAH v.v	-/AR15	- Người lớn: Bản sao căn cước công dân (có gắn chip) kèm đối chiếu VNEID; - Trẻ em: bản sao thông tin cư trú trên ứng dụng VNEID + giấy khai sinh.	FQDSGNCAH/R,U*CAH	FXP/R,U*CAH
	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là khách thường trú tại Cà Mau	-/ARCH10		FQDSGNCAH/R,-CNN,U*CAH	FXP/R,U*CAH
	Trẻ nhỏ		-/ARIN90		FQDSGNCAH/R,-INF,U*CAH	FXP/R,U*CAH
Quân nhân, Công chức, Viên chức nhà	Người lớn	85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R-	-/AR15	(1) Bản sao quyết định cử công tác, điều động của cơ quan nhà nước chủ	FQDSGNCAH/R,U*CAH	FXP/R,U*CAH

BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG
ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM
Số: DKC01/ND version 26.04 Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 25/03/2026

Trang 7/6

Đối tượng áp dụng		Giá áp dụng	Fare basis Ghi <loại giá>/<mã giảm giá><% giảm giá>	Giấy tờ kèm theo nộp cùng báo cáo bán	Câu lệnh tra giá	Câu lệnh tính giá
nước đang công tác tại Cà Mau		SGN-CAH v.v		quản; và (2) bản sao căn cước công dân		
Hành khách có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Gia Lai	Người lớn	85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R- DAD-PXU v.v	-/AR15	- Người lớn: Bản sao căn cước công dân (có gắn chip) kèm đối chiếu VNEID; - Trẻ em: bản sao thông tin cư trú trên ứng dụng VNEID + giấy khai sinh.	FQDDADPXU/R,U*PXU	FXP/R,U*PXU
	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là	-/ARCH10		FQDDADPXU/R,-CNN,U*PXU	FXP/R,U*PXU
	Trẻ nhỏ	hành khách có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Gia Lai	-/ARIN90		FQDDADPXU/R,-INF,U*PXU	FXP/R,U*PXU
Quân nhân, Công chức, Viên chức nhà nước đang công tác tại tỉnh Gia Lai	Người lớn	85% giá B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R- DAD-PXU v.v	-/AR15	(1) Bản sao quyết định cử công tác, điều động của cơ quan nhà nước chủ quản; và (2) Bản sao căn cước công dân	FQDDADPXU/R,U*PXU	FXP/R,U*PXU